



CÁC ĐIỀU KHOẢN PHÂN BỐ RỦI RO TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN VỐN GÓP MÀ CÔNG TY MỤC TIÊU LÀ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Trần Thị Nhật Anh*

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Trần Thị Nhật Anh <trannhatanh72@gmail.com>

(Ngày nhận bài: 1-3-2021; Ngày chấp nhận đăng: 5-5-2021)

Tóm tắt. Tác giả tập trung trình bày, phân tích và so sánh đối chiếu các điều khoản phân bổ rủi ro gồm: điều khoản bất khả kháng, điều khoản thực hiện hợp đồng trong hoàn cảnh thay đổi cơ bản và điều khoản điều chỉnh giá trong hợp đồng mua bán vốn góp thường được sử dụng trong giao dịch đầu tư mạo hiểm. Qua đó, tác giả chỉ rõ cách thức áp dụng và đồng thời cho thấy ưu, nhược điểm của từng điều khoản nêu trên.

Từ khóa: bất khả kháng, hoàn cảnh thay đổi cơ bản, điều chỉnh giá, hợp đồng mua bán vốn, rủi ro, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Risk-allocation articles in stock transfer agreements for start-up companies

Tran Thi Nhat Anh*

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Trần Thị Nhật Anh <trannhatanh72@gmail.com>

(Received: March 1, 2021; Accepted: May 5, 2021)

stock transfer, namely the event of force majeure article, performance of contracts upon the fundamental change of circumstances, and price adjustment article in the stock transfer agreement.

Keywords: force majeure article, performance of contract upon the fundamental change of circumstances, price adjustment article, risks, stock transfer agreement, start-up companies

1. Đặt vấn đề

Đối với rất nhiều giao dịch đầu tư mạo hiểm vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hiện nay, hợp đồng mua bán vốn góp chính là yếu tố tối quan trọng giúp cho bên mua (nhà đầu tư mạo hiểm) và bên bán (công ty mục tiêu hoặc cổ đông của công ty mục tiêu) đạt được mục đích của mình khi thiết lập dự án. Hợp đồng mua bán vốn góp mà công ty mục tiêu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có những điểm khác biệt so với hợp đồng mua bán vốn góp thông thường khác.

Thứ nhất, quá trình soát xét pháp lý công ty mục tiêu là một bước tối quan trọng làm cơ sở để thiết lập các nội dung của hợp đồng có thể diễn ra nhanh chóng hơn so với quá trình soát xét trong các giao dịch mua bán vốn góp thông thường. Tuổi đời của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo còn tương đối ngắn và quy mô vẫn còn tương đối nhỏ, cho nên quá trình soát xét pháp lý diễn ra nhanh hơn và đơn giản hơn so với các giao dịch mua bán vốn góp thông thường.

Thứ hai, hợp đồng mua bán vốn góp mà công ty mục tiêu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường chứa đựng nhiều rủi ro pháp lý do bên mua luôn có xu hướng muốn nắm giữ quyền chi phối công ty mục tiêu, thậm chí muốn sở hữu toàn bộ công ty [1, Tr. 265]. Do đó, trong hợp đồng thường xuất hiện nhiều công cụ pháp lý nhằm giúp bên mua tiếp tục duy trì quyền chi phối công ty mục tiêu ngay cả khi các công ty này thực hiện các vòng gọi vốn tiếp theo cũng như tạo thuận lợi để bán mua có thể rút vốn khỏi công ty mục tiêu vào thời điểm thích hợp (điều này có thể bao gồm cả việc thúc đẩy công ty mục tiêu kích hoạt các điều kiện để thực hiện thủ tục niêm yết). Vì lẽ đó, tính phức tạp và rủi ro cao của hợp đồng mua bán vốn góp trong công ty khởi nghiệp vẫn luôn tồn tại.

Thứ ba, hợp đồng mua bán vốn góp trong các công ty khởi nghiệp sáng tạo thường được thiết kế dưới dạng bên mua mua cổ phần hoặc vốn góp được chào bán thêm hơn là mua từ cổ đông hay thành công ty mục tiêu. Điều này là do bên mua với vai trò là nhà đầu tư vào công ty mục tiêu nên luôn muốn các công ty này có thêm tiền. Với việc mua cổ phần hoặc vốn góp nhằm giúp công ty mục tiêu tăng vốn điều lệ, công ty mục tiêu sẽ nhận được sự hỗ trợ rất bền vững về mặt tài chính cũng như các hỗ trợ về mặt kinh nghiệm sản xuất và quản trị doanh nghiệp từ bên mua.

Với tính chất phức tạp và rủi ro cao của quá trình đầu tư mạo hiểm, điều khoản phân bổ rủi ro là một nội dung rất cần thiết và nên được các bên lưu tâm để đưa vào hợp đồng nhằm tránh những thiệt hại khi vi phạm hợp đồng xảy ra xuất phát từ một nguyên nhân nằm ngoài sự kiểm soát của các bên (như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, dịch bệnh, tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn...). Khi các điều kiện áp dụng xuất hiện đầy đủ, những điều khoản phân bổ rủi ro sẽ phát huy tác dụng và tùy vào từng trường hợp cụ thể, một bên có thể vận dụng các điều khoản này để giảm thiểu rủi ro một cách hợp lý theo quy định của pháp luật. Vấn đề là, giữa vô

và các quy định phong phú, phức tạp và đa dạng của chế định hợp đồng, các bên nên sử dụng những điều khoản phân bổ rủi ro gì, việc sử dụng chúng như thế nào là phù hợp và ưu nhược điểm của từng điều khoản ra sao? Nội dung dưới đây sẽ lần lượt đưa ra câu trả lời bằng việc trình bày, phân tích và so sánh ba loại điều khoản phân bổ rủi ro thường gặp trong các hợp đồng mua bán cổ phần trong giao dịch đầu tư mạo hiểm vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: điều khoản bất khả kháng, điều khoản thực hiện hợp đồng trong hoàn cảnh thay đổi cơ bản và điều khoản điều chỉnh giá.

2. Điều khoản bất khả kháng

Bất khả kháng dường như là một điều khoản thường được nhắc đến đầu tiên khi đề cập đến vấn đề giảm thiểu rủi ro trong hợp đồng. Trên thực tế, đây cũng là điều khoản được các bên rất quan tâm. Cũng có khi hợp đồng không quy định về trường hợp bất khả kháng, nhưng điều này không ảnh hưởng đến giá trị áp dụng của chúng và bất khả kháng vẫn đương nhiên được áp dụng. Bộ Luật Dân sự năm 2015 (BLDS 2015) quy định về vấn đề này như sau: *“Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép”* [1, Tr. 138]. Với quy định trên, có thể thấy một sự kiện chỉ được xem là bất khả kháng chỉ khi: (i) sự kiện đó xảy ra một cách khách quan; (ii) không thể lường trước được; (iii) không thể khắc phục mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép. Luật cũng chỉ ra hệ quả pháp lý trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng tại Khoản 1, Điều 156, BLDS 2015, đó là: *“Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Như vậy, việc áp dụng điều khoản bất khả kháng sẽ giải phóng trách nhiệm cho bên vi phạm nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc vi phạm hợp đồng. Nói cách khác, bất khả kháng chỉ được viện dẫn khi sự kiện đó có mối quan hệ nhân quả với hành vi vi phạm hợp đồng. Như vậy, để chứng minh một sự kiện được xem là bất khả kháng, cần chỉ ra được mối quan hệ nhân quả giữa sự kiện bất khả kháng đó và hành vi vi phạm hợp đồng. Tác giả cho rằng, đây chính là điều kiện thứ tư để chứng minh một sự kiện được xem là bất khả kháng mặc dù quy định hiện hành không thực sự chỉ rõ điều này. Đây có lẽ là một điểm bất hợp lý mà Bộ Luật Dân sự nên xem xét thay đổi trong thời gian tới khi không ghi nhận đầy đủ bốn yếu tố để chứng minh sự kiện bất khả kháng một cách tập trung và minh thị. Điều kiện thứ tư để chứng minh sự kiện bất khả kháng được chỉ ra một cách gián tiếp và được đưa ra tại một quy định nằm tương đối xa so với quy định về bất khả kháng (Điều 156, BLDS 2015). Điều này khiến cho nội dung quy định về bất khả kháng trở nên thiếu chặt chẽ và không logic và có thể gây ra không ít khó khăn cho các bên trong hợp đồng khi muốn đối chiếu và chứng minh sự kiện bất khả kháng nếu không có sự tư vấn từ chuyên gia. Ở một khía cạnh khác, đối với hợp đồng mua bán cổ phần, khi một bên vi phạm hợp đồng do rơi vào trường hợp bất khả kháng, bên đó có

nghĩa vụ chứng minh đầy đủ sự tồn tại của bốn yếu tố nêu trên. Đáng lưu ý là việc rơi vào trường hợp bất khả kháng chỉ có giá trị giúp cho bên vi phạm không phải chịu nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và hoàn toàn không có tác dụng trong việc giúp cho bên vi phạm giải phóng nghĩa vụ của mình. Điều đó có nghĩa là khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt hoặc đã được khắc phục, bên có nghĩa vụ vẫn phải tiếp tục thực hiện các cam kết của mình theo đúng thỏa thuận đã được ghi trong hợp đồng (chưa trả tiền thì phải tiếp tục trả tiền nếu là bên mua mặc dù có thể không muốn mua nữa) bất chấp điều này có thể dẫn đến các thiệt hại đáng kể cho bên đó (ví dụ như tình hình tài chính của bên mua bất ngờ gặp vấn đề hoặc công việc sản xuất kinh doanh của bên mua hoặc thậm chí bên bán diễn ra không tốt sau khi hợp đồng mua bán cổ phần đã được ký kết; những lý do này đều có thể ảnh hưởng đến ý định tiếp tục thực hiện hợp đồng của các bên). Như vậy, trong trường hợp vì một lý do nào đó mà việc tiếp tục thực hiện hợp đồng gây ra trở ngại cho một bên, việc áp dụng điều khoản bất khả kháng không thể giúp cho bên đó giải phóng nghĩa vụ hay thay đổi nội dung nghĩa vụ theo hướng thuận lợi hơn cho mình. Hợp đồng phải tiếp tục được thực hiện với các nghĩa vụ đang chờ sẵn như các bên đã giao kết với nhau. Trong bối cảnh đó, các bên hoàn toàn có thể nghĩ đến việc vận dụng các điều khoản phân bổ rủi ro khác và điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản chính là một trong số đó.

3. Điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Như đã phân tích ở trên, đối với hợp đồng mua bán cổ phần, không phải lúc nào việc vận dụng điều khoản bất khả kháng cũng mang hiệu quả cao khi các bên muốn giảm thiểu thiệt hại đáng kể cho mình. Bởi vậy, các điều khoản phân bổ rủi ro khác cần được cân nhắc để áp dụng. Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản là một nội dung mới của BLDS 2015. Theo đó, Khoản 2, Điều 351, BLDS 2015, quy định một hoàn cảnh thay đổi cơ bản phải đáp ứng các tiêu chí: (i) sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng; (ii) tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh; (iii) hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác; (iv) việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; (v) bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích. Bên cạnh đó, Điều 420, BLDS 2015, quy định hoàn cảnh thay đổi cơ bản được áp dụng khi một sự kiện khách quan xảy ra làm thay đổi một cách cơ bản về tính cân bằng của hợp đồng được các bên thiết lập trước đó. Về nguyên tắc, hợp đồng đã được giao kết mặc nhiên ràng buộc các bên thực hiện các nghĩa vụ bất kể việc thực hiện nghĩa vụ đó có thể khiến một bên hứng chịu các thiệt hại hoặc những ảnh hưởng bất lợi [2, Tr. 180]. Điều này dễ xảy ra đối với những hợp đồng được thực hiện trong thời gian dài, giá trị giao dịch lớn và có tính phức tạp

cao như hợp đồng mua bán cổ phần hoặc hợp đồng xây dựng. Với mục đích hạn chế rủi ro cho bên đó, điều khoản về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản cho phép bên có lợi ích bị ảnh hưởng được quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng theo hướng thiết lập lại tình trạng cân bằng về lợi ích như ban đầu của các bên tại thời điểm giao kết hợp đồng. Có thể thấy, Điều 420, BLDS 2015, cho phép bên có lợi ích bị ảnh hưởng được quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng trong một thời hạn hợp lý. Đây là một quyền quan trọng mà nếu viện dẫn điều khoản bất khả kháng thì bên vi phạm hợp đồng không được áp dụng quyền này. Việc cho phép bên có lợi ích bị ảnh hưởng được quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng mở ra cơ hội để bên này có thể khôi phục được tình trạng ban đầu của hợp đồng và phần nào khắc phục được thiệt hại chắc chắn sẽ xảy ra nếu tiếp tục thực hiện các thỏa thuận nguyên thủy. Nếu sau đó các bên vẫn không thể sửa đổi được hợp đồng luật cho phép thì các bên có thể: (i) yêu cầu tòa án chấm dứt hợp đồng tại một thời điểm xác định hoặc (ii) sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Tác giả cho rằng, với quy định về hệ quả của việc áp dụng Điều 420, BLDS, như nêu trên, các nhà lập pháp đã dành cho bên có lợi ích bị ảnh hưởng một thuận lợi rất lớn đối với việc cho phép một bên được quyền từ bỏ thực hiện một cách nghiêm túc các thỏa thuận ban đầu nếu quá trình thực hiện hợp đồng xảy ra trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Đối với hợp đồng mua bán cổ phần, việc vận dụng quy định về hoàn cảnh thay đổi cơ bản cũng rất có khả năng xảy ra. Đó là trường hợp sau khi ký kết hợp đồng xảy ra tình huống mà ở đó bên bán không muốn tiếp tục bán với giá và điều kiện đã thỏa thuận hoặc thậm chí không muốn bán nữa, và tương tự với bên mua cũng như vậy. Tuy nhiên, một bên cần lưu ý để áp dụng đúng quy định này cần phải thực hiện bước thương lượng, đàm phán lại với bên kia và tòa án chỉ vào cuộc khi mà những kết quả của quá trình này không đi đến một sự thống nhất. Vì vậy, một bên không được quyền đương nhiên chấm dứt việc thực hiện nghĩa vụ một khi quá trình đàm phán chưa kết thúc và chưa có quyết định cuối cùng của tòa án. Như vậy, so với điều khoản bất khả kháng, hệ quả của việc áp dụng điều khoản hoàn cảnh thay đổi cơ bản là rất khác biệt. Cụ thể, khi điều kiện bất khả kháng xảy ra, bên vi phạm nghĩa vụ sẽ được miễn trừ trách nhiệm phát sinh nhưng vẫn phải tiếp tục thực hiện hợp đồng. Còn nếu xuất hiện trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì bên có lợi ích bị ảnh hưởng mặc dù được quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng nhưng nếu bên này vi phạm hợp đồng và gây thiệt hại thì vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường. Vì vậy, hai điều khoản này cần được vận dụng một cách linh hoạt tùy vào từng trường hợp cụ thể.

4. Điều khoản điều chỉnh giá

Như đã phân tích, các điều khoản bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản đều có những đặc điểm pháp lý riêng và việc vận dụng chúng phụ thuộc rất nhiều vào từng trường hợp cụ thể. Vì vậy, trong trường hợp sau thời điểm ký kết hợp đồng xuất hiện các yếu tố tác động đến quá trình thực hiện hợp đồng nằm ngoài dự định của các bên, điều khoản phân bổ rủi

ro nào khác có thể áp dụng để các bên giảm thiểu thiệt hại? Trong trường hợp này, các bên có thể nghĩ đến việc thiết kế điều khoản “điều chỉnh giá” khi soạn thảo hợp đồng. Điều khoản về *điều chỉnh giá* thường xuất hiện trong các hợp đồng có thời gian thực hiện dài hoặc giá trị thanh toán lớn. Những diễn biến phức tạp sau khi hợp đồng được giao kết có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của bên mua hoặc giá trị cổ phần của bên bán, khiến bên bán không còn muốn bán cổ phần với giá thỏa thuận ban đầu. Không giống như điều khoản bất khả kháng và thực hiện hợp đồng trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, điều khoản về điều chỉnh giá không được quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành; vì vậy, để áp dụng quy định này các bên cần nêu rõ trong hợp đồng. Chính vì không được pháp luật quy định nên nội dung của điều khoản điều chỉnh giá có thể thay đổi một cách linh hoạt phù thuộc vào thỏa thuận của hai bên. Là một điều khoản phân bổ rủi ro, điều khoản về điều chỉnh giá nên được đưa vào hợp đồng trước thời điểm giao kết để điều chỉnh hợp đồng trong trường hợp xảy ra tình huống cần phải điều chỉnh giá trị hợp đồng. Trong hợp đồng mua bán cổ phần, điều khoản điều chỉnh giá giúp bên mua cổ phần có thể giảm giá mua mà không cần phải đàm phán khi đáp ứng điều kiện giảm giá; ngược lại, điều khoản điều chỉnh giá cũng có thể giúp bên cho bán tăng giá khi các điều kiện tăng giá được thỏa mãn. Cơ chế để vận dụng điều khoản này chính là các điều kiện, nói cách khác là căn cứ để điều chỉnh giá. Trong hợp đồng mua bán cổ phần, căn cứ điều chỉnh giá có thể dựa vào sự phát sinh hay không phát sinh của một sự kiện nhất định. Từ góc độ bên mua cổ phần, hợp đồng có thể quy định về việc điều chỉnh giá theo hướng giảm như các ví dụ sau:

1. Giá mua được điều chỉnh giảm tối đa 10% so với mức giá mua cổ phần được quy định tại Hợp đồng này trong trường hợp xảy ra các sự kiện mà sự kiện đó: (i) trực tiếp hoặc gián tiếp làm giảm từ 50% doanh thu của bên mua; (ii) xảy ra một cách khách quan; (iii) các bên trong hợp đồng không thể lường trước được tại thời điểm giao kết hợp đồng mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết.

Giải thích: Mặc dù đây là điều khoản nhằm phân bổ rủi ro cho bên mua, nhưng cần phải quy định rõ về mức giá tối đa được giảm và điều kiện về mức thu nhập tối thiểu của bên mua bị ảnh hưởng để tránh trường hợp các bên không thống nhất được mức giảm cũng như điều kiện để áp dụng giảm giá. Bên mua, vì vậy, cũng không thể tùy tiện áp dụng điều chỉnh giảm giá, và như vậy có thể đảm bảo quyền lợi của bên bán, tạo lập được thế cân bằng về lợi ích giữa hai bên trong hợp đồng.

2. Bên mua có nghĩa vụ phải thông báo ngay nhưng không chậm trễ hơn 15 ngày liên tục (kể cả ngày nghỉ) kể từ ngày doanh thu bị giảm sút phù hợp với điều kiện nêu trên cho bên bán biết bằng văn bản hoặc các hình thức tương đương.

Giải thích: Nghĩa vụ thông báo ngay giúp đảm bảo bên bán tiếp nhận được thông tin sớm và chủ động hạn chế được tổn thất do giá mua bị giảm.

3. Bên mua không được viện dẫn quy định điều chỉnh giá trong trường hợp sự kiện làm ảnh hưởng đến thu nhập của bên mua kết thúc trước khi Hợp đồng này hoàn tất. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua theo giá đã thỏa thuận ban đầu.

Giải thích: Việc điều chỉnh giá trong hợp đồng mua bán cổ phần sẽ không có hiệu lực nếu tình hình tài chính của bên mua chỉ bị ảnh hưởng trong một thời hạn ngắn. Thông thường, các hợp đồng mua bán cổ phần mà công ty mục tiêu là doanh nghiệp đổi mới sáng tạo sẽ có thời hạn thực hiện ngắn hơn các hợp đồng mua bán cổ phần trong giao dịch mua bán sáp nhập do các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo mới thành lập, quy mô còn nhỏ nên thời gian soát xét cũng sẽ diễn ra nhanh hơn. Do vậy, cần quy định về các trường hợp không được viện dẫn điều khoản này nếu như các sự kiện làm ảnh hưởng đến doanh thu của bên mua diễn ra trong thời hạn ngắn hơn thời hạn của hợp đồng. Vì vậy, bên mua đương nhiên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận tại thời điểm giao kết hợp đồng.

Như vậy, có thể thấy điều khoản điều chỉnh giá có thể được bên mua vận dụng để giảm giá mua hoặc bên bán sử dụng để tăng giá bán trong một số trường hợp nhất định nhằm hạn chế các thiệt hại xảy ra do các sự kiện bất ngờ xảy ra nằm ngoài dự liệu của các bên sau thời điểm ký kết hợp đồng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

5. Kết luận

Những phân tích nêu trên cho thấy các bên trong giao kết hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán cổ phần mà công ty mục tiêu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nói riêng phải nhận thức một cách đầy đủ về những rủi ro có thể xảy ra và qua đó dự liệu về việc xử lý các rủi ro đó thông qua các điều khoản phân bổ rủi ro trong hợp đồng. Trong bối cảnh thị trường và nền kinh tế vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thì việc sử dụng các điều khoản phân bổ rủi ro như bất khả kháng cũng như thực hiện hợp đồng trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản hay điều khoản điều chỉnh giá là một lựa chọn hợp lý và cần được đưa vào hợp đồng trước khi các bên giao kết nhằm đảm bảo lợi ích cân bằng giữa các bên bất chấp việc xảy ra các sự kiện làm ảnh hưởng đến lợi ích của một trong hai bên tham gia hợp đồng. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng với tính chất là một điều khoản tùy nghi thì điều khoản về điều chỉnh giá chỉ có hiệu lực khi được quy định trong hợp đồng và tác giả cho rằng việc đưa điều khoản này vào hợp đồng trong giai đoạn soạn thảo, đàm phán để ký kết hợp đồng là rất quan trọng và cần thiết. Bởi vì, việc thỏa thuận liên quan đến điều chỉnh giá mua cổ phần sẽ khó đạt được hiệu quả như mong muốn nếu nhu cầu điều chỉnh giá xuất hiện sau khi hợp đồng đã được ký kết và hai bên không có thỏa thuận về điều chỉnh giá trước đó. Vì vậy, nhận thức về các điều khoản phân bổ rủi ro nói chung và điều khoản điều chỉnh giá nói riêng cần được nâng cao nhằm hạn chế các rủi ro về giá xuất hiện trong giai đoạn thực hiện hợp đồng. Như vậy, có thể thấy mỗi điều khoản phân bổ rủi ro trong hợp đồng mua bán cổ phần mà công ty mục tiêu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đều có những ưu và nhược

điểm riêng. Tùy vào từng trường hợp và bối cảnh hợp đồng cụ thể, các bên tham gia hợp đồng cần cân nhắc việc sử dụng riêng biệt hoặc sử dụng kết hợp các điều khoản phân bổ rủi ro để mang lại hiệu quả cao nhất trong việc hạn chế thiệt hại xảy ra với chính mình và đối tác trong quá trình thực hiện hợp đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Hữu Nghĩa (2018), *Pháp lý M&A căn bản*. Nxb. Công Thương, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Lâm (2010), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế, nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương thức giải quyết*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, Tr. 180.